

DANH SÁCH NGUỒN GỐC, THỜI ĐIỂM SỬ DỤNG ĐỐI VỚI CÁC THỪA ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1)

Địa điểm: xã Đông Sơn (xã Bình Hiệp cũ), tỉnh Quảng Ngãi.

ST	Số HS	Chủ quản lý, sử dụng	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN					Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003				Thông Tin Bản đồ 299/TTg				Tờ BĐ dự án tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026 (Bản đồ địa chính khu đất Dự án) do Công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện								Xác nhận UBND xã Đông Sơn				Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có vi phạm các quy định pháp luật của nhà nước hay không	Ghi chú
				Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Chủ sử dụng theo GCN	Số vào sổ cấp GCNQSDĐ	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số thửa	Tờ BĐĐC	Tờ BĐĐC (cũ)	Tờ BĐ dự án	Diện tích thửa (m2)	Diện tích trong QH (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời điểm sử dụng	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng tranh chấp (có/không g)		
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN																					44,801.0	44,801.0								
1	Hộ ông Nguyễn Đức Hùng	xã Đông Sơn							14	773	788	ĐM	7	1/470	1/950	ĐM	773	191	14	4	839.0	839.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
									14	800	1377	ĐM	7	1/470 1/472	1/950 1/56000	ĐM RTN	800	191	14	4	1,386.0	1,386.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
2	Hộ ông Đinh Viết Cường	xã Đông Sơn	7	1366	400.0	M	Hộ ông Đinh Viết Cường	01095	14	776	554	ĐM	7	1366	400	M	776	191	14	4	554.0	554.0	HNK	Đất giao theo ND64 - CP	1996	HNK	Không	Không		
3	Hộ ông Bùi Văn Việt	xã Đông Sơn							14	820	311	Hg/b	7	1/472	1/56000	RTN	820	191	14	4	682.0	682.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
4	Hộ ông Bùi Văn Quang	xã Đông Sơn							14	802	535	ĐM	7	1364 1365	180 290	ĐM	802	191	14	4	378.0	378.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
									14	824	544	ĐM	7	1/472 1/381	1/56000 1/1761	RTN Hg	824	191	14	4	544.0	544.0	CLN	Đất khai hoang	1999	CLN	Không	Không		
	Hộ ông Huỳnh Văn Đồng	xã Đông Sơn							14	1/942	1/1100	Khác					1663	191	14	4	418.0	418.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
									14	1/876	1/2635	T	7	1/472	1/56000	RTN	1667	191	14	4	309.0	309.0	CLN	Đất khai hoang	1996	CLN	Không	Không		
			14	1056	402.0	BHK	Hộ ông Huỳnh Văn Đồng	CS 06608	14	1056	402	ĐM	7	364	390	ĐM	1056	191	14	4	402.0	402.0	HNK	Đất giao theo ND64	1996	HNK	Không	Không		
			14	1421	805.0	BHK	Hộ ông Huỳnh Văn Đồng	CS 06610	14	1/875	1/1744	ĐM	7	1375	780	ĐM	1421	191	14	4	805.0	805.0	HNK	Đất giao theo ND64	1996	HNK	Không	Không		
6	Ông Huỳnh Văn Đồng và bà Phan Thị Thu Tâm	xã Đông Sơn	14	1147	2,667.0	LNK	Ông Huỳnh Văn Đồng và bà Phan Thị Thu Tâm	CH 00300	14	990	10607	LNk					1147	191	14	4	2,667.0	2,667.0	CLN	Đất khai hoang	1996	CLN	Không	Không		
7	Hộ ông Huỳnh Hữu Tài	xã Đông Sơn	14	937	914.0	BHK	Hộ ông Huỳnh Hữu Tài	CS 03632	14	937	914	ĐM					937	191	14	4	914.0	914.0	HNK	Đất giao theo ND64	1996	HNK	Không	Không		
							Không		14	1/991	1/431	Hg/b	7	1/1378	1/450	Hg	1653	191	14	4	279.0	279.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
8	Hộ bà Bùi Thị Hương	xã Đông Sơn	7	363	1,040.0	ĐRM	Hộ bà Bùi Thị Hương	02556	14	1031	1059	ĐM	7	363	1040	ĐRM	1031	191	14	4	1,059.0	1,059.0	HNK	Đất giao theo ND64 - CP	1996	HNK	Không	Không		
			7	476	480.0	Lúa	Hộ bà Bùi Thị Hương	02556	18	23	399	ĐM	7	476	480	Lúa	23	195	18	4	399.0	399.0	LUC	Đất giao theo ND64	1996	LUC	Không	Không		



Số TT	Số HS	Chủ quản lý, sử dụng	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN						Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003				Thông Tin Bản đồ 299/TTg				Tờ BĐ dự án tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026 (Bản đồ địa chính khu đất Dự án) do Công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện								Xác nhận UBND xã Đông Sơn				Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có vi phạm các quy định pháp luật của nhà nước hay không	Ghi chú
				Tờ BĐĐ C	Số thửa	Diện tích (m²)	Loại đất	Chủ sử dụng theo GCN	Số vào sổ cấp GCNQSD Đ	Tờ BĐĐ C	Số thửa	Diện tích (m²)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số thửa	Tờ BĐĐ C	Tờ BĐĐ C (cũ)	Tờ BĐ dự án	Diện tích thửa (m2)	Diện tích trong QH (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời điểm sử dụng	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng tranh chấp (có/không g)			
16	9	Hộ ông Tô Đình Đức	xã Đông Sơn	7	1367	1,170.0	M	Hộ ông Tô Đình Đức	00867	14	713	1089	ĐM	7	1367	1170	M	713	191	14	4	1,089.0	1,089.0	HNK	Đất khai hoang	1996	HNK	Không	Không		
17								Không		14	1/796	1/6802	LNk	7	1/472	1/56000	RTN	1656	191	14	4	649.0	649.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
18	10	Hộ ông Tô Đình Khánh	xã Đông Sơn	14	1355	240	BHK	Hộ ông Tô Đình Khánh	CS 05184	14	1355	240	ĐM					1355	191	14	4	240.0	240.0	HNK	Đất giao theo ND64	1996	HNK	Không	Không		
19										14	852	1/984	ĐM	7	1/472 1/381	1/56000 1/1761	RTN Hg	852	191	14	4	479.0	479.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
20											14	874	482	ĐM	7	1371	600	N+	874	191	14	4	669.0	669.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không	
21	11	Hộ ông Tô Đình Trung	xã Đông Sơn	14	1356	625.0	BHK	Hộ ông Tô Đình Trung	CS 05923	14	1404	625	ĐM					1356	191	14	4	625.0	625.0	HNK	Đất giao theo ND64	1996	HNK	Không	Không		
22	12	Hộ ông Tô Đình Việt	xã Đông Sơn							14	1/796	1/6802	LNK	7	1/472	1/56000	RTN	1375	191	14	4	475.0	475.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
23											14	795 1/796	271 1/6802	ĐM LNk	7	1/472	1/56000	RTN	1347	191	14	4	508.0	508.0	CLN	Đất khai hoang	2001	CLN	Không	Không	
24	13	Hộ ông Tô Đình Phúc	xã Đông Sơn							14	1/796	1/6802	LNk	7	1/472	1/56000	RTN	1413	191	14	4	886.0	886.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
25	14	Ông Tô Đình Phúc	xã Đông Sơn	7	1360	510.0	M	Hộ ông Tô Đình Chỉ	01025	14	745	402	ĐM	7	1360	510	M	745	191	14	4	527.0	527.0	HNK	Đất giao theo ND64 -CP cho hộ ông Tô Đình Chỉ từ năm 1996. Đến năm 2025 để lại thừa kế cho ông Tô Đình Phúc	1996	HNK	Không	Không		
25	15	Bà Hồ Thị Thanh Vân	xã Đông Sơn	14	1473	268.0	BHK	Bà Hồ Thị Thanh Vân	VP 08698	14	1473	268	ĐM					1473	191	14	4	306.0	306.0	HNK	Đất giao theo ND64 -CP cho hộ ông Hồ Thanh Việt từ năm 1996. Đến năm 2023 để lại thừa kế cho ông Hồ Thị Thanh Vân	1996	HNK	Không	Không		
26	16	Ông Hồ Thanh Trung	xã Đông Sơn	14	1474	401.0	BHK	Ông Hồ Thanh Trung	VP 08694	14	1474	401	ĐM					1474	191	14	4	576.0	576.0	HNK	Đất giao theo ND64 -CP cho hộ ông Hồ Thanh Việt từ năm 1996. Đến năm 2023 để là thừa kế cho ông Hồ Thanh Trung	1996	HNK	Không	Không		
27	17	Hộ ông Hồ Thanh Trung	xã Đông Sơn							14	1/850	1/1512	ĐM	7	1/472	1/56000	RTN	1476	191	14	4	296.0	296.0	CLN	Đất khai hoang	1999	CLN	Không	Không		
28	18	Ông Hồ Thanh Hải	xã Đông Sơn	14	1475	432.0	BHK	Ông Hồ Thanh Hải	VP 08696	14	1475	432	ĐM					1475	191	14	4	349.0	349.0	HNK	Đất giao theo ND64 -CP cho hộ ông Hồ Thanh Việt từ năm 1996. Đến năm 2023 để lại thừa kế cho ông Hồ Thanh Hải	1996	HNK	Không	Không		

11/01/2025

Số TT	Số HS	Chủ quản lý, sử dụng	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN						Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003				Thông Tin Bản đồ 299/TTg				Tờ BĐ dự án tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026 (Bản đồ địa chính khu đất Dự án) do Công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện								Xác nhận UBND xã Đông Sơn				Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có vi phạm các quy định pháp luật của nhà nước hay không	Ghi chú
				Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Chủ sử dụng theo GCN	Số vào sổ cấp GCNQSDĐ	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số thửa	Tờ BĐĐC	Tờ BĐĐC (cũ)	Tờ BĐ dự án	Diện tích thửa (m2)	Diện tích trong QH (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời điểm sử dụng	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng tranh chấp (có/không g)			
30	19	Hộ ông Trần Xuân Hiệp	xã Đông Sơn							14	873	4136	Hg/b	7	1371	600	N+	1671	191	14	4	113.0	113.0	CLN	Đất do mẹ khai hoang từ năm 2003 sử dụng đến năm 2013 tặng cho Trần Xuân Hiệp sử dụng đến nay	2003	CLN	Không	Không		
31	20	Hộ ông Đỗ Toàn	xã Đông Sơn	7	478	2,000.0	2L	Hộ ông Đỗ Toàn	00905	18	39	1803	2L	7	478	2000	2L	39	195	18	4	1,803.0	1,803.0	LUC	Đất giao theo ND64	1996	LUC	Không	Không		
32	21	Ông Lê Phú Hữu	xã Đông Sơn	7	484	520	Luá	Hộ ông Lê C	00851	18	85	520	2L	7	484	520	2L	85	195	18	4	495.0	495.0	LUC	Đất giao theo ND64 cho hộ ông Lê Cửu từ năm 1996. Đến năm 2016 để lại thừa kế cho ông Lê Phú Hữu sử dụng đến nay	1996	LUC	Không	Không		
33	22	Hộ ông Lê Phú Hữu	xã Đông Sơn							18	1/105	1/75461	R.T.S					1002	195	18	4	653.0	653.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
34	23	Hộ bà Huỳnh Thị Trâm	xã Đông Sơn							18	1/27	1/1330	Khác	7	1/1312	1/440	Hg	998	195	18	4	236.0	236.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
35	24	Hộ Ông Nguyễn Đan Trường	xã Đông Sơn	7	1178	610.0	Lúa	Hộ Ông Nguyễn Đan Trường,	00997	18	21	1503	2L	7	1178	610	2L	1008	195	18	4	611.0	611.0	LUC	Đất giao theo ND64	1996	LUC	Không	Không		
36	25	Ông Nguyễn Đan Trường	xã Đông Sơn	7	550	890.0	2L	Hộ Ông Nguyễn Đức Chu	00977					7	550	890	2L	1016	195	18	4	892.0	892.0	LUC	Đất giao theo ND64 cho hộ ông Nguyễn Đức Chu từ năm 1996. Năm2009 ông Chu (chết) .Đến năm 2025 để lại thừa kế cho ông Nguyễn Đan Trường sử dụng đến nay	1996	LUC	Không	Không		
37	26	Hộ ông Phan Phụng	xã Đông Sơn	7	1184	450.0	LM	Hộ ông Phan Phụng	01017	18	1/24	1/544	2L	7	1/1184 1183	1/450 150	LM	1032	195	18	4	409.0	409.0	LUC	Đất giao theo ND64	1996	LUC	Không	Không		
38	27	Hộ ông Huỳnh Văn Sơn	xã Đông Sơn							18	1/105	1/75461	R.T.S					1001	195	18	4	475.0	475.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
39										18	1/27	1/1330	Khác	7	1308	180	Hg	1005	195	18	4	164.0	164.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
40										18	1/27	1/1330	Khác	7	1/1312	1/440	Hg	1045	195	18	4	107.0	107.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
41										18	1/105	1/75461	R.T.S	7	1/212	1/1940	Hg	1047	195	18	4	519.0	519.0	RSX	Đất khai hoang	2003	RSX	Không	Không		
42	28	Hộ bà Huỳnh Thị Trà	xã Đông Sơn							18	1/105	1/75461	R.T.S	7	1/212	1/1940	Hg	1046	195	18	4	104.0	104.0	RSX	Đất khai hoang	2003	RSX	Không	Không		
43										18	1/30	1/575	ĐM	7	1/1304	1/604	ĐM	999	195	18	4	215.0	215.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
44	29	Hộ bà Huỳnh Thị Phương	xã Đông Sơn							18	1/105	1/75461	R.T.S					1049	195	18	4	106.0	106.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		

Số TT	Số HS	Chủ quản lý, sử dụng	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN						Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003				Thông Tin Bản đồ 299/TTg				Tờ BĐ dự án tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026 (Bản đồ địa chính khu đất Dự án) do Công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện								Xác nhận UBND xã Đông Sơn				Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có vi phạm các quy định pháp luật của nhà nước hay không	Ghi chú
				Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Chủ sử dụng theo GCN	Số vào sổ cấp GCNQSDĐ	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số thửa	Tờ BĐĐC	Tờ BĐĐC (cũ)	Tờ BĐ dự án	Diện tích thửa (m2)	Diện tích trong QH (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời điểm sử dụng	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng tranh chấp (có/không g)			
45	30	Ông Bùi Văn Hoàng	xã Đông Sơn	14	853	461.0	BHK	Ông Bùi Văn Hoàng	CS 04950	14	853	461	ĐM					853	191	14	4	461.0	461.0	HNK	Đất giao theo ND64-CP cho hộ ông Bùi Phụng từ năm 1996. Đến năm 2021 để lại thừa kế cho ông Bùi Văn Hoàng	1996	HNK	Không	Không		
46	31	Hộ ông Bùi Văn Hoàng	xã Đông Sơn							14	1/932 1/873	1/755 1/4866	NĐ Hg/b	7	1/472	1/56000	RTN	932	191	14	4	928.0	928.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
47				14	1261	683.0	BHK	Hộ ông Bùi Văn Hoàng	CS 04591	14	1261	683	ĐM					1261	191	14	4	683.0	683.0	HNK	Đất giao theo ND64-CP	1996	HNK	Không	Không		
48	32	Hộ ông Nguyễn Giáp	xã Đông Sơn							14	1/1010	1/2728	Vườn	7	1/560	1/1880	Hg	1644	191	14	4	34.0	34.0	CLN	Đất ông bà để lại	1975	CLN	Không	Không		
49	33	Hộ bà Phạm Thị Nga	xã Đông Sơn							14	1029	146	2L	7	1149	150	Ao	1029	191	14	4	146.0	146.0	NTS	Đất khai hoang sử dụng trồng lúa đến năm 2010 đào ao	1991	NTS	Không	Không		
50										14	1/960	1/4956	LNk	7	1/472	1/56000	RTN	1675	191	14	4	221.0	221.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
51	34	Hộ ông Huỳnh Văn Lâm	xã Đông Sơn							18	1/30	1/575	ĐM	7	1/1304	1/604	ĐM	1000	195	18	4	377.0	377.0	CLN	Đất khai hoang	1997	CLN	Không	Không		
52	35	Hộ ông Nguyễn Văn Hạnh	xã Đông Sơn							14	1/990	1/10607	LNk	7	1/472	1/56000	RTN	1660	191	14	4	464.0	464.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		
53	36	Ông Tô Đình Việt	xã Đông Sơn	7	411	600	ĐRM	Hộ ông Tô Gang	00857	14	1391	603	ĐM	7	411	600	ĐRM	1391	191	14	4	603.0	603.0	HNK	Đất giao theo ND64-CP	1996	HNK	Không	Không		
54	37	Hộ ông Nguyễn Văn Dụng (hiện nay ông Nguyễn Văn Dụng đã chết) hàng thừa kế hợp pháp gồm: bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Trang, bà Nguyễn Thị Lan, ông Nguyễn Bảo Anh	xã Đông Sơn	7	487	1080	2L	Hộ ông Nguyễn Văn Dụng	00939	18	82	1064	2L	7	487	1080	2L	82	195	18	4	1,064.0	1,064.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
55	38	Hộ bà Võ Thị Văn (hiện nay bà Võ Thị Văn đã chết) hàng thừa kế hợp pháp gồm: Bà Nguyễn Thị Đông, bà Nguyễn Thị Thu, ông Nguyễn Nam, ông Nguyễn Bình, bà Nguyễn Thị Công, ông Nguyễn Chính	xã Đông Sơn	7	374	570	2L	Hộ bà Võ Thị Văn	00961	14	1054	617	2L	7	374	570	2L	1054	191	14	4	617.0	617.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
56				7	490	600	2L	Hộ bà Võ Thị Văn	00961	18	117	649	2L	7	490	600	2L	117	195	18	4	649.0	649.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
57				7	489	900	2L	Hộ bà Võ Thị Văn	00961	18	118	1106	2L	7	489	900	2L	118	195	18	4	1,106.0	1,106.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
58				7	491	320	2L	Hộ bà Võ Thị Văn	00961	18	119	339	2L	7	491	320	2L	119	195	18	4	339.0	339.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		

Số TT	Số HS	Chủ quản lý, sử dụng	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN						Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003				Thông Tin Bản đồ 299/TTg				Tờ BĐ dự án tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026 (Bản đồ địa chính khu đất Dự án) do Công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện								Xác nhận UBND xã Đông Sơn				Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có vi phạm các quy định pháp luật của nhà nước hay không	Ghi chú
				Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Chủ sử dụng theo GCN	Số vào sổ cấp GCNQSDĐ	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Số thửa	Tờ BĐĐC	Tờ BĐĐC (cũ)	Tờ BĐ dự án	Diện tích thửa (m2)	Diện tích trong QH (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Thời điểm sử dụng	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng tranh chấp (có/không g)			
59	39	Hộ ông Nguyễn Tinh (hiện nay ông Nguyễn Tinh đã chết) hàng thừa kế hợp pháp gồm: ông Nguyễn Thanh Tùng, ông Nguyễn Thanh Toàn, bà Nguyễn Thị Thanh Trang, bà Bạch Thị Xuân, ông Nguyễn Thanh Tuyền, bà Nguyễn Thị Thanh Vân, ông nguyên Văn Tiến	xã Đông Sơn	7	1303	680	ĐRM	Hộ ông Nguyễn Tinh	00824	18	1/14	1/2438	ĐM	7	1303	680	ĐRM	1003	195	18	4	759.0	759.0	HNK	Đất giao theo ND64-CP	1996	HNK	Không	Không		
60				7	701	1720	Lúa	Hộ ông Nguyễn Tinh	00824	18	35	1863	2L	7	701	1720	2L	35	195	18	4	1,863.0	1,863.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
61	40	Hộ ông Nguyễn Thanh Trúc (hiện nay ông Nguyễn Thanh Trúc đã chết) hàng thừa kế hợp gồm: bà Bạch Thị Xuân, ông Nguyễn Thanh Tuyền, bà Nguyễn Thị Vân, ông Nguyễn Văn Tiến	xã Đông Sơn	7	1177	350	Lúa	Hộ ông Nguyễn Thanh Trúc	00892	18	96	382	2L	7	1177	350	2L	96	195	18	4	382.0	382.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
62				7	373	920	Lúa	Hộ ông Nguyễn Thanh Trúc	00892	14	1074	920	2L	7	373	920	2L	1074	191	14	4	920.0	920.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
63	41	Hộ bà Trần Thị Thanh Hoa (hiện nay bà Hoa -chết); hàng thừa kế hợp pháp gồm: Ông Võ Tấn Việt; ông Võ Tấn Quốc; ông Võ Tấn Thịnh; ông Võ Tấn Hưng; bà Võ Thị Như Ý; Ông Võ Tấn Thức.	xã Đông Sơn	18	12	572	LUC	Hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	VP 08944									12	195	18	4	572.0	572.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP cho hộ bà Trần Thị Thanh Hoa từ năm 1996. Đến năm 2026 để lại thừa kế cho ông Võ Tấn Thịnh	1996	LUC	Không	Không		
64	42	Hộ ông Nguyễn Đức Thắng (hiện ông Nguyễn Đức Thắng chết) hàng thừa kế hợp pháp gồm: bà Nguyễn Thị Kim Cúc, ông Nguyễn Đức Oanh, Nguyễn Thị Thu Cẩm, ông Nguyễn Đức Phú	xã Đông Sơn	7	742	880	2L	Hộ ông Nguyễn Đức Thắng	00931	14	1047	999	2L	7	742	880	2L	1047	191	14	4	999.0	999.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
65				7	741	590	2L	Hộ ông Nguyễn Đức Thắng	00931	14	1093	715	2L	7	741	590	2L	1093	191	14	4	715.0	715.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
66				7	556	800	2L	Hộ ông Nguyễn Đức Thắng	00931	18	7	955	2L	7	556	800	2L	7	195	18	4	955.0	955.0	LUC	Đất giao theo ND64-CP	1996	LUC	Không	Không		
67	43	Hộ ông Nguyễn Nhứt	xã Đông Sơn							10	204	391	NTD	7	443	460		204	187	10	1	469.0	469.0	CLN	Đất khai hoang	2003	CLN	Không	Không		

QUẢNG NGÃI

Số TT	Số HS	Chủ quản lý, sử dụng	Địa chỉ thường trú	Thông tin theo GCN					Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2003				Thông Tin Bản đồ 299/TTg				Tờ BĐ dự án tỷ lệ 1/2000 chỉnh lý năm 2026 (Bản đồ địa chính khu đất Dự án) do Công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện								Thời điểm sử dụng đất	Xác nhận UBND xã Đông Sơn			Tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có vi phạm các quy định pháp luật của nhà nước hay không	Ghi chú
				Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Chủ sử dụng theo GCN	Số vào sổ cấp GCNQSD Đ	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Số thửa	Tờ BĐ ĐC	Tờ BĐĐ C (cũ)	Tờ BĐ dự án	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích trong QH (m ²)	Loại đất		Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng tranh chấp (có/không)		
68	45	UBND xã Đông Sơn	xã Đông Sơn							14	1028	550	2L	7	562	560	2L	1028	191	14	4	550,0	550,0	LUC		Đất công ích UBND, bà Phạm Thị Nga đang sử dụng	LUC	Không	Không	
69										14	1030	1139	2L	7	375	1260	2L	1030	191	14	4	1.139,0	1.139,0	LUC		Đất công ích UBND, bà Phan Thị Thu Tâm đang sử dụng	LUC	Không	Không	
70										14	1049	642	2L	7	561	600	2L	1049	191	14	4	642,0	642,0	LUC		Đất công ích UBND, bà Phạm Thị Nga đang sử dụng	LUC	Không	Không	
71										14	1070	931	2L	7	558	960	2L	1070	191	14	4	933,0	933,0	LUC		Đất Hội người cao tuổi, bà Huỳnh Thị Trà đang sử dụng	LUC	Không	Không	

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 8 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC VÀ XÂY DỰNG 168 QUẢNG NGÃI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Anh

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 8 năm 2026
TRUNG TÂM PTQĐ CHI NHÁNH KHU VỰC BÌNH SƠN
Trưởng phòng Bồi thường
GIÁM ĐỐC




Đinh Văn Minh



Võ Quang Thao

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 8 năm 2026
CÔNG TY TNHH VSIP QUẢNG NGÃI
Trưởng phòng Đất đai
TỔNG GIÁM ĐỐC

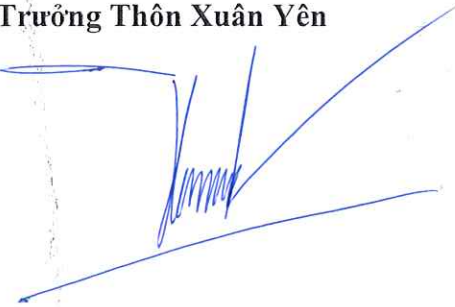



Phạm Văn Dũng

Huỳnh Thị Thùy Trinh



Đông Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2026
ĐẠI DIỆN TRƯỞNG THÔN
Trưởng Thôn Xuân Yên



Võ Chí Thanh

Đông Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2026
PHÒNG KINH KẾ XÃ ĐÔNG SƠN
Người kiểm tra
Trưởng phòng




Nguyễn Thị Thu Hường

Nguyễn Hồng Vân



Đông Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2026
UBND XÃ ĐÔNG SƠN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thanh Tuấn

